

PHẬT TỔ THỐNG KỸ

- Nhà Tống, Năm Canh Định, đất Bốn Minh, Đông hồ.

- Sa-môn Chí Bàn soạn.

QUYỂN 1

Phần 1: GIÁO CHỦ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT BẢN KỸ (1) NÓI VỀ BẢN TÍCH

Lời tựa nói rằng: Thánh Nhân Như Lai xuất hiện đem lợi ích lớn cho đời. Thế nên có việc kỳ diệu Giáng Bản Thù Tích, mở Tích bày Bản. Bản là chỉ cho Pháp thân, còn Tích là chỉ về tám tướng (theo nghĩa của Thích Thiêm). Do Pháp thân mà hiện ra tám tướng, từ tám tướng mà hiển bày Pháp thân. Bản và Tích dung hợp nhau khó thể nghĩ bàn. Nếu không phải ở hội Pháp hoa nói việc mở cái gần để bày các xa, mở tích bày bản thì không đủ sức để hiểu rõ ý chỉ này. Cho nên nêu lệ chung của tám tướng xếp riêng thứ tự năm thời, tan ra thì dẫn khắp các kinh, hội lại thì về một chỗ Thật, dùng để nói rõ ý nghĩa cả một đời thuyết giáo, hoặc Bản hay Tích đều bao trùm hết trong đó.

Kinh Diệu Huyền giải thích Bản và Tích có sáu nghĩa:

Gọi bản, thì lý của bản của đạo một thật tướng rất ráo (trong Đại Luận, Phật nói: Chỉ có một đạo một rất ráo, không có đạo nhiều rất ráo).

Về tích, thì trừ các pháp thật tướng kia ra, còn lại đều là tích. Lại sự thì gọi là bản (khoa nói rằng lý là chân, sự là tục), còn việc nói lý nói sự thì gọi là giáo (thích thiêm nói rằng: Chân, tục là lý, còn việc nói về chân tục là giáo). Lại giáo của sự lý thì đều gọi là bản. Còn vâng theo giáo mà tu hành thì gọi là tích. Như người nương vào xứ thì có hành tích, tìm tích thì có thể được xứ. Lại, hành hay chứng được thể, thì thể là bản. Còn dựa vào thể mà khởi dụng thì dụng là tích. Lại, thật mà được thể dụng thì gọi là bản. Còn quyền mà làm ra thể dụng thì gọi là tích. Lại, cái đang hiển bày thì gọi là bản, còn các trước nay đã nói thì là tích. Đó là sáu nghĩa luận chung về bản tích của chư Phật. Nếu luận riêng thì ở

ngay đức Phật hiện tại cũng có sáu nghĩa.

1. Căn cứ vào sự lý để nói rõ bản tích: Từ vô trụ bản lập ra tất cả pháp. Lý vô trụ tức lúc bản là thật tướng, tức chân đế. Còn tất cả pháp là khi bản là sum la vạn vật tức tục đế (đây là giải thích cái tướng của bản và tích. Thích Thiêm có nói: Vô minh vì tất cả pháp làm ra bản, vậy vô minh tức là pháp tánh. Vô minh lại lấy pháp tánh làm bản, nên phải biết là các pháp cũng lấy pháp tánh làm bản, vậy pháp tánh tức là vô minh. Pháp tánh lại lấy vô minh làm bản nên pháp tánh là vô minh. Pháp tánh không có trụ xứ mà vô minh tức là pháp tánh nên vô minh cũng không có trụ xứ. Vô minh và pháp tánh dù đều là không có trụ xứ, nhưng lại làm bản cho tất cả pháp. Cho nên nói rằng: Từ vô trụ bản lập ra tất cả pháp. Bản vô trụ đã thông, thế nên chân đế là chỉ cho lý, còn tất cả pháp là sự vậy).

Do Chân Bản thật tướng mà hiện ra Tục Tích, tìm ở Tục Tích thì liền hiển bày Chân Bản, dầu chúng khác nhau nhưng đồng nhất khó thể nghĩ bàn. Văn Kinh nói: Quán tất cả pháp không đúng như thật tướng (để nói rõ về Bản Tích hề tướng hiển bày thì Lý dung nạp. Thích Thiêm nói rằng: Lý Tánh của Bản Tích này do đây mà có ngoại dụng của Bản Tích).

2. Nói rõ Lý Giáo để làm sáng tỏ Bản Tích: Tức là lúc Bản soi chiếu hai Đế không thể nói, thì đều gọi là Bản. Thuở xưa Đức Phật đã phương tiện nói ra, thì đó là giáo của hai Đế, mà Giáo thì gọi là Tích (giải thích tướng của Bản Tích). Vì nếu không có Bản của hai Đế thì cũng không có giáo của hai thứ. Nếu không có Giáo Tích thì đâu có thể hiển bày được Bản Đế. Dù Bản và Tích khác nhau mà đồng nhất khó thể nghĩ bàn (Tướng đã bày thì Lý dung nạp). Văn Kinh nói: Pháp này không thể chỉ bày vì đã bật cả Tướng ngôn thuyết. Vì phương tiện nên có việc nói Pháp chi năm vị Tỳ-kheo (trích văn để dẫn chứng).

3. Giáo Hạnh là Bản Tích: Đầu tiên là lấy Giáo của các Phật xa xưa làm Bản, cho nên có việc Tu Nhân để đạt Hạnh quả (giải thích Tướng của Bản Tích. Cần có ba chữ để làm Tích). Do Giáo nói Lý mà khởi được Hạnh, do Hạnh hiểu được Giáo mà hiển bày được Lý, dầu Bản và Tích rất khác nhau nhưng vẫn đồng nhất khó thể nghĩ bàn (Tướng hiển bày Lý dung nạp). Văn Kinh nói: Các Pháp xưa nay Tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, tương lai sẽ thành Phật (trích văn để dẫn chứng).

4. Căn cứ vào Thể Dụng mà nêu rõ Bản Tích: Trước hết, do tu hành từ xa xưa, đã kế lý mà chứng được Pháp thân là Bản, vì mới được

Pháp thân là Bản nên Thể liền Khởi các Dụng của Ứng Thân (giải thích tướng Bản Tích. Nên thêm ba chữ: Để làm Tích). Do từ Ứng thân mà hiển bày Pháp thân, dầu Bản Tích khác nhau mà đồng nhất khó nghĩ bàn (Tướng hiển thì Lý dung nạp). Văn Kinh nói: Ta từ thành Phật đến nay rất lâu xa, nay chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh nên nói như thế (Trích văn dẫn chứng).

5. Căn cứ vào Thật Quyền mà nêu rõ Bản Tích: Thuở đầu tiên rất lâu xa được hai thứ Pháp và Ứng thân thì gọi là Bản. Trong khoảng giữa nhiều lần nói sinh nói diệt, do mọi thứ quyền biến mà tạo nên hai Thân Ứng và Pháp, nên gọi là Tích (giải thích Tướng của Bản Tích). Nếu lúc xa xưa không có Bản của Pháp và Ứng thân, thì cũng không có Tích của Pháp và ứng ở khoảng giữa. Đó là do Tích mà hiển bày được Bản, dầu Bản Tích khác nhau mà đồng nhất khó nghĩ bàn (Tướng hiển thì Lý dung). Văn Kinh nói: Đó là Ta phương tiện, chư Phật cũng thế (trích văn dẫn chứng).

6. Căn cứ vào đã qua và hiện nay mà luận Bản Tích: Từ trước đến nay, các giáo đã nói về Sự Lý cho đến Quyền Thật, thì đều là Tích cả (đã là Tích thì liền là Tích Môn và các Giáo Tích thì nay liền là Bản. Nay đã là Bản thì liền là Bản Môn. Bản Môn đã có từ trước nên gọi là “Đã qua”, Từ phẩm Dững Xuất trở đi mới gọi là “hiện nay”).

Nay kinh nói các Sự Lý sâu xa cho đến quyền Thực thì đều gọi là Bản (giải thích Bản Tích). Không phải cái Bản lâu xa nay đã nói thì cũng không do đâu mà hiện ra cái Tích đã nói. Nếu không có cái Tích đã nói thì đâu thể hiển được cái Bản hiện nay, dù Bản Tích khác nhau nhưng đồng nhất khó nghĩ bàn (Bản Tích có tướng hiện thì Lý dung). Văn Kinh nói: Phật pháp đã lâu sau, cần nên nói Chân thực (trích văn để dẫn chứng).

Cái Bản đầu tiên thì chỉ là Bản mà không phải là Tích (cái thật đầu tiên đã thành nhưng chưa hiện ra Tích cho nên thuộc về Bản). Cái đã nói sau cũng thì chỉ là Tích mà không phải Bản (cái Tích Môn đã nói là lúc Bản chưa hiển bày cho nên chỉ thuộc về Tích). Ở khoảng giữa thì cũng Tích cũng Bản (vì khoảng giữa đối nhau nên cùng làm Bản Tích cho nhau. Lại ở khoảng giữa mà hiện Tích thì gọi là “Cũng Tích”, khi Bản hiển bày thì gọi là “Cũng Bản”). Nếu không có cái Bản lúc là Bản thì không thể hiện ra cái Tích của khoảng giữa sau cùng. Nếu không có cái Tích đã nói thì (nêu cái Tích môn ngày nay) thì không thể hiển được cái Bản nay đang nói (Bản môn ngày nay) dầu là Bản Tích khác nhau nhưng đồng nhất khó nghĩ bàn (từ trước đến đây đều là văn nhắc

lại sáu thứ Bản Tích).

Nếu chấp tích là Bản thì người này không hiểu Tích cũng không biết Bản. Có nơi bảo rằng: Văn-thù, Quan Âm và Điều-đạt thì hoặc gọi là thầy hoặc gọi là đệ tử. Kẻ mê lầm chưa hiểu, hoặc chối bỏ khoảng giữa thì không thứ nào không phải là Tích, do đó mà có thể hiểu rõ được Bản Tích. Nếu chấp tích mà nghi Bản thì cả hai nghĩa đều lỗi (văn của Sa Huyền).

Bản đồ sáu lớp Bản Tích:

Lý Sự: Quán tất cả pháp không đúng như thật tướng (Lý), chỉ vì nhân duyên mới có từ duyên đảo sinh ra cho nên nói thế (Sự), Tích của phẩm An Lạc Hạnh.

Lý Giáo: Pháp ấy không thể chỉ bày, tướng nói năng đều vắng lặng (Lý). Vì sức phương tiện nên có việc nói pháp cho năm vị Tỳ-kheo (Giáo), Phương Tiện Phẩm Tích.

Giáo Hạnh: Các pháp xưa nay vốn tướng vắng lặng (Giáo). Phật tử hành đạo rồi tương lai sẽ thành Phật (Hạnh), Phương Tiện Phẩm Tích.

Thế Dụng: Ta thành Phật đến nay rất lâu xa (Thế). Chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh (Dụng), Thọ Lượng Phẩm Bản.

Thật Quyền: Đó là Ta phương tiện, chư Phật đều cũng thế (Quyền). Nay nói với các ông Sự thật rất rõ ràng (Thực), Dược Thảo Dụ Bản.

Đã qua hiện nay: Các Phật pháp lâu sau (đã qua). Cần phải nói chân thực (hiện nay), Phương Tiện Phẩm Bản.

Thích Thiêm nói rằng: Đã qua tức là Tích, là chỉ cho Tích Môn, là các Giáo Tích. Còn hiện nay là Bản, là chỉ cho Bản Môn, Bản môn đã có trước nên gọi là đã qua. Từ phẩm Dũng Xuất về sau mới gọi là Hiện nay. Cho nên nói rằng: Sự Lý đã nói, cho đến Quyền Thực thì gọi là Tích Sự Lý hiện nói cho đến quyền thực thì gọi là Bản, cho nên biết hoặc không có Tích trong Sự Lý, cho đến Quyền thực thì làm sao có thể hiển bày được cái Bản lâu xa. Lại nói “đã qua và hiện nay” tuy là khác năm thứ trước, nhưng cũng là một thứ đã qua chỉ về thọ lượng gọi là “Bản hiện nay.” Nếu so với “Bản xưa” thì phải giản lược bớt đi cái “đã qua và hiện nay” không giống nhau đâu.

Từ hội Pháp hoa trở về trước, các kinh đã qua hay hiện nay đều thuộc về Tích, còn Kinh hiện nay nói ra là nói thẳng về Bản lâu xa, tức là đã nói cái đã qua và hiện nay làm Tích. Nay nói cái đã qua và hiện nay làm Bản thì mới là nói thực. Sở dĩ phải trích văn dẫn chứng

sáu môn, ba thứ trước cho Tích, ba thứ sau cho Bản là sao? Song ba thứ trước lại chung cả Bản và Tích, đều có Sự Lý cho đến Giáo Hạnh, Thể Dụng... ba thứ. Nhưng trong chung lại có riêng. Đã nói rằng Bản Dụng Bản Quyền, không phải là văn của Tích có thể hiển bày được. Hướng lại lấy Bản Môn làm hiện nay, rõ ràng không thể dẫn Tích. Vì cái nghĩa ấy nên ba lần dẫn văn cho Tích, ba lần dẫn văn cho Bản. Vả lại với ba đoạn văn trước chỉ nói về Nhân. Vì Nhân của Bản quá hẹp, nhưng vì lấy Tích làm lệ cho Bản cho nên chỉ dẫn Tích Môn.

Độc Giáo Ký nói rằng: Sáu lớp Bản Tích chỉ có một lớp Thể Dụng là dẫn văn Bản Tích, còn năm thứ kia đều là Tích. Thích Thiêm nói rằng: ba thứ trước là dẫn Tích, ba thứ sau là dẫn Bản. Đây là do Độc Giáo Ký điểm văn theo huyền ý. Thực Quyền đã qua và hiện nay là chỉ cho Văn Tích làm Bản môn vậy. Cho nên nói rằng: “Nay nói cái đã qua và hiện nay làm Bản thì mới là Thật nói.” Song ba đoạn văn trước không chỉ cho Bản là sao? Đáp rằng: ba đoạn trước là chung, chỉ lấy Tích mà nêu lên Bản. Còn ba đoạn sau là trong chung lại có riêng, cho nên cần phải chỉ Tích là Bản. Nên đọc kỹ hai chữ “Chung, riêng”, hai thứ này ở đây rất nhiều.

Như câu văn nói về Bản Tích thì đầu tiên dẫn phẩm Thọ Lượng nói rằng: “Ta thành Phật đến nay rất lâu xa.” Và phẩm Phương Tiện nói: “Ta vốn đã lập thế nguyện khắp khiến tất cả chúng sinh đồng chứng được đạo này.” Lại trong phẩm Ngũ Bách Thọ Ký thì nói: “Bên trong giấu kín hạnh Bồ-tát, bên ngoài hiện làm Thanh văn.” Kinh Diệu Lạc giải thích rằng: Đầu tiên đúng là dẫn văn Bản, Kế đến là phương tiện, sau là dẫn văn Tích. Vì trong Tích đã ngầm chỉ cái ý của Bản. Nếu nói trắng ra thì là Bản Tích ở trong Tích. Đoạn văn dưới đã hiển bày rồi thì được dẫn dùng.

Lê Diệu Lạc lại giải thích về mười đôi Quyền Thật của phẩm Phương Tiện rằng: Trong tám đôi này thì bảy đôi trước thuộc về Tích môn, còn đôi thứ tám thuộc về Bản môn. Bản tuy chưa đến nhưng Lý Quyền thực biến khắp. Cho nên đoạn văn dưới nói rằng: “Ấy là Ta phương tiện, chư Phật cũng thế.” Cho nên tên Phương tiện thông chung cả Bản Tích. Văn ấy mâu nhiệm giải thích không giống nhau. Nay các nhà cùng thương lượng rằng: hoặc ba đoạn văn trước là từ Bản mà hiện ra Tích, còn ba đoạn văn sau là phát khởi Tích thì hiển bày Bản. Cho nên nói là ba lần dẫn văn Tích. Hoặc nói ba đoạn văn trước là nhân làm Tích, ba đoạn văn sau là quả làm Bản. Hoặc bảo là nói trọn ý lớn không phân biệt văn Bản hay Tích. Hoặc cho rằng riêng hàm chứa ý của Bản.

Cho nên nói là ba lần dẫn văn Bản.

Quan Âm Biệt Hạnh Huyền Ký nói rằng: Như về Lý Sự, Lý Giáo, Giáo Hạnh, Thể Dụng, bốn lớp Bản Tích ấy không chỉ riêng kinh hiện nay mà, các bộ đều có. Nếu các kiếp nhiều như bụi trần từ trước đã thành Phật mà lấy làm Thật Bản, thì trong khoảng giữa ngày nay thị hiện việc thành Phật đều gọi là Quyền Tích. Đây gọi là Bản Tích Quyền Thật. Bản môn đã mở xong thì thân này tức là Bản Tích môn đã nói và các Bộ nói đến đều gọi là Tích. Đó gọi là Bản Tích “đã qua và hiện nay.” Hai lớp này thì các kinh đều dứt hết nghị luận. Cho nên nói là: “Các giáo không nói nên Pháp Hoa mới nói.”

Trong Bồ-tát Địa Dũng Phẩm có nói: Phật bảo các Bồ-tát rằng: “Thế giới Ta-bà này có sáu vạn hằng hà sa Bồ-tát, mỗi Bồ-tát lại có sáu vạn hằng hà sa quyến thuộc, sau khi ta diệt độ rồi thì họ sẽ giữ gìn, đọc tụng rộng nói kinh này. Lúc đó thế giới Ta-bà này đất đai rung động mạnh và có vô lượng Bồ-tát đồng thời xuất hiện, nghe tiếng Phật nói liền từ dưới đất vọt lên, bay thẳng đến tháp màu bảy báu trên hư không rồi hướng về hai Đức Thế Tôn mà lạy dưới chân Phật.” Bấy giờ, Đức Di-lặc và đại chúng muốn hết nghi liền đọc kệ hỏi Đức Phật rằng:

*Đại chúng các Bồ-tát
 Từ đâu mà đến đây?
 Từ ai phát tâm đầu
 Tu tập Phật đạo nào?
 Con ở giữa chúng đây
 Chưa từng biết một ai
 Bồng từ đất vọt lên
 Xin nói nhân duyên ấy.*

Đức Phật bảo Di-lặc rằng: “Các Bồ-tát ấy, khi ta chứng quả Bồ-đề xong đã giáo hóa khiến họ phát đạo tâm.” (tóm mở gần để bày xa, động chấp nên sinh nghi). Khi đó ngài Di-lặc... tâm sinh nghi ngờ bạch Phật rằng: Đức Như Lai chứng quả A-nậu Bồ-đề mới hơn bốn mươi năm, vì sao trong thời gian ngắn lại làm được Phật sự lớn (ban đầu nghi mới thành Phật gần đây mà giáo hóa được nhiều, đây là chấp gần mà nghi xa). Chúng Bồ-tát này rất đông, giả sử có người đếm hoài suốt ngàn vạn ức kiếp cũng không hết được, vì họ đã từ lâu xa luôn tu phạm hạnh (Kể đến đó nghi số chúng được giáo hóa đông và có hạnh vị thâm diệu. Đây là mà nghi gần).

Trong phẩm Thọ Lượng, Phật bảo đại chúng rằng: Các Thiên nhân A-tu-la trong tất cả thế gian đều cho rằng ta ra khỏi cung thành

họ Thích và cách Già-da không bao xa đã ngồi ở đạo tràng mà chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề (rộng mở gần để hiển xa, dứt nghi sinh tin). Song ta thật đã thành Phật từ vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp (phá gần hiểu xa). Ta thường ở tại thế giới Ta-bà này nói pháp giáo hóa và cũng ở khắp vô số nước khác mà dắt dẫn lợi ích chúng sinh (Diệu Huyền nói rằng: Quả sơ chứng thì gọi là bản quả, Ta-bà của Diệu Bản tức là Diệu của Bản Độ. Văn Cú nói: Trên đã dẫn việc ở rất lâu tại nơi nào, cho nên nói là ở tại cõi này và các nước khác làm Phật sự). Đó là khoảng mà ta nói Đức Phật Nhiên Đăng... Lại nói việc nhập Niết-bàn đều dùng phương tiện để phân biệt (Kinh Văn Cú nói rằng: Quét Nghi trên chấp Tích - Giáo xưa đã nói: chỗ tu nhân, chỗ chỗ được thọ ký, tức là nghi về quả. Nay bỏ cái nghi này nếu chỉ cho Phật Nhiên Đăng thì liền bỏ được nghi về Nhân, còn nói nhập Niết-bàn liền bỏ được nghi về quả như Nhân quả này thì không phải là duy nhất, đều là do ta phương tiện chứ không phải thật nói vậy. Diệu Lạc nói rằng: Đó là Bồ-tát Thích-ca nhập diệt, không được nói là Phật Nhiên Đăng Niết-bàn, cũng không phải là Thích-ca, vì lúc đó ở đời Phật Nhiên Đăng đã từng thành Phật mà nhập Niết-bàn. Vì không thể có hai Đức Phật hiện ra đời cùng một lúc. Thế nên chỉ lấy việc được thọ ký, truyền giáo và mạng chung làm quả). Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta, thì ta sẽ dùng Phật nhãn nhìn xem các căn tín... của họ lợi hay độn rồi tùy cơ mà hóa độ. Chỗ chỗ đều tự nói danh tự không đồng nhau, tuổi tác có lớn nhỏ (không phải sinh mà hiện ra sinh) cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn (không phải diệt mà hiện ra diệt, đây là lấy hình mà làm lợi ích chúng sinh), lại dùng mọi thứ phương tiện để nói pháp vi diệu (đây là dùng tiếng để lợi ích chúng sinh). Như Lai thấy các chúng sinh ham thích tiểu pháp, đức mỏng, tội nhiều, hãy nói cho người ấy biết rằng: Ta thuở nhỏ xuất gia, chứng được quả A-nậu Bồ-đề (hiện sinh) song thật ra ta thành Phật đến nay rất là lâu xa, nay chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh khiến họ đều vào Phật đạo nên nói như thế (không phải sinh kinh Diệu Lạc nói: Thọ lượng sâu xa nhiều gấp bội bụi vi trần, khoảng giữa bị dẹp bỏ, Già-da không phải thực. Đây là luận thân chân thực để nói về cái Bản xa).

Phẩm Học Vô Học nói: Đức Phật bảo rằng: Ta cùng A-nan đồng ở chỗ Phật Không Vương, cùng lúc phát tâm Bồ-đề. A-nan thường ham học nhiều, còn ta thì luôn siêng năng tinh tấn. Thế nên ta được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà A-nan thì hộ trì pháp của ta (kinh Văn Cú nói: Xưa cùng ta đồng phát đại tâm, tức là đồng học. Do ta

ting tấn nên được thành Phật trước, do ông ta học nhiều mà vẫn còn trì kinh).

Phẩm Thường Bất Khinh nói: Thời rất xưa có Đức Phật tên là Oai Âm Vương. Sau khi ngài diệt độ thì lại có Đức Phật khác ra đời cũng hiệu là Oai Âm Vương, cứ như thế mà có đến hai vạn ức Phật đều đồng một hiệu. Đức Như Lai Oai Âm Vương đầu tiên có một vị Tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh. Phàm khi gặp Bốn chúng thì ông đều lễ bái khen ngợi nói rằng: Tôi không dám khinh thường quý vị, quý vị đều sẽ thành Phật. Trong bốn chúng có người giận dữ lớn tiếng mắng chửi rằng: “Chúng ta không cần những lời thọ ký đối trá đó.” Trải qua nhiều năm nhiều người đã dùng gậy cây ngói đá mà đánh đuổi đi. Ông chạy ra xa vẫn còn lớn tiếng nói rằng: “Tôi không dám khinh thường quý vị, quý vị đều sẽ thành Phật.” Do ông thường nói câu đó nên bốn chúng Tăng Thượng Mạn gọi ông là Thường Bất Khinh.

Vị Tỳ-kheo này lúc sắp lâm chung, nghe trên hư không có tiếng Đức Phật Oai Âm Vương trước hết nói kinh Pháp Hoa liền được sáu căn thanh tịnh lại tăng thêm tuổi thọ, rộng vì người nói pháp. Bấy giờ nhóm bốn chúng Tăng Thượng Mạn đã đặt tên ngài là Thường Bất Khinh thấy ngài đã có đại thần thông thì đều tin phục theo về. Vị Bồ-tát này ngài lại hóa độ cho cả ngàn vạn ức chúng khiến họ trụ vào Bồ-đề. Sau khi mạng chung sẽ được gặp hai ngàn ức Phật đều cùng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong pháp ấy mà nói kinh Pháp Hoa. Lại gặp được hai ngàn ức Phật, cùng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương, vì chúng mà nói kinh này. Sau đó lại gặp được một ngàn ức Phật cũng nói kinh ấy. Khi công đức thành tựu sẽ thành Phật. Thường Bất Khinh lúc đó chính là ta đây (kinh Văn Cú nói: Thích-ca ra đời do dự không nói, còn Thường Bất Khinh một khi thấy mặt thì vội vàng nói ngay, là tại sao? Đáp: Vì Bản đã thiện thì Thích-ca lấy pháp Tiểu thừa mà hộ trì, còn Bản chưa thiện thì Thường Bất Khinh lấy Đại pháp mà cưỡng độ).

Trong phẩm Đạt-đa, Phật nói rằng: Ta ở trong vô lượng kiếp quá khứ, cầu kinh Pháp Hoa không hề lười mỏi. Trong nhiều kiếp ta thường làm quốc vương đã phát nguyện cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, vì muốn đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, siêng tu hạnh bố thí, không tiếc thân mạng quên cả ngôi vua, ủy thác cho Đông cung Thái tử, tuyên bố mình đi cầu pháp. Lúc đó có vị Tiên nhân A-tư đến thưa với vua rằng: Ta có kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Hoa, nếu vua làm theo ý ta, ta sẽ nói cho vua nghe. Vua nghe xong vui mừng hớn hở liền theo Tiên nhân cung phụng đủ mọi thứ cần thiết như hái quả, xách nước, lượm củi nấu ăn cho đến

dùng thân làm giường ghế, mà thân tâm không hề mỏi mệt. Khấp vì tất cả chúng sinh cần cầu đại pháp và cuối cùng thì được thành Phật. Vị vua lúc đó chính là ta đây, còn vị Tiên nhân lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa vậy. Do Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức mà khiến ta được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Trong phẩm Hóa Thành Dụ, Đức Phật nói rằng: Ở thời quá khứ có Đức Phật tên là Đại Thông Trí Thắng. Từ khi ngài diệt độ đến nay trải vô lượng, vô biên trăm ngàn ức a-tăng-kỳ kiếp. Ta đã dùng sức tri kiến Như Lai mà quán sát thấy các việc đã lâu xa, rõ ràng như mới ngày hôm nay. Khi vị Phật ấy chưa xuất gia có mười sáu người con. Khi nghe cha mình chứng đạo Bồ-đề thì họ đến chỗ Phật xin chuyển pháp luân để được xuất gia mà làm Sa-di từ bé. Khi ấy Đức Phật nhận lời và qua hai vạn kiếp sau ngài nói pháp Đại thừa ấy tên là Diệu Pháp Liên Hoa suốt tám ngàn kiếp. Rồi nhập định trong suốt tám vạn bốn ngàn kiếp. Khi đó mười sáu vị Sa-di đều ngồi pháp tòa cũng trong tám vạn bốn ngàn kiếp. Vì bốn bộ chúng mà rộng nói kinh Pháp Hoa. Mỗi mỗi vị đều hóa độ được sáu trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh khiến họ đều phát tâm Bồ-đề (xưa cùng nói pháp để kết duyên). Mỗi vị Bồ-tát cùng các chúng sinh được giáo hóa ấy đời đời sinh ra đều gặp và nghe pháp với các Bồ-tát ấy mà được tín giải (trong khoảng giữa thường gặp nhau). Cả mười sáu vị Sa-di ấy nay đều chứng đạo Bồ-đề và hiện đang thuyết pháp khắp ở mười phương quốc độ, một vị tên là A-di-đà... Người con thứ mười sáu chính là ta, Phật Thích-ca Mâu-ni (kết thầy xưa và nay). Khi chúng ta làm Sa-di thì ai nấy đều giáo hóa vô lượng chúng sinh. Những người nghe ta nói pháp là bậc A-nậu Bồ-đề (gặp các đệ tử xưa nay, một là gặp các đệ tử hiện tại. Chương này trước nói về bậc Bất thoái trụ Bồ-đề). Các chúng sinh có người hiện nay đang ở bậc Thanh văn, ta luôn giáo hóa họ về A-nậu Bồ-đề, vì pháp ấy khiến lần lần nhập vào Phật đạo (Kể đến nói về bậc Thoái chuyển hiện đang ở hàng Thanh văn). Bởi vì sao, là vì trí tuệ của Như Lai rất khó tin khó hiểu (giải thích ý thoái chuyển). Số vô lượng chúng sinh được giáo hóa đó chính là các ông Tỳ-kheo hiện nay (chánh kết xưa nay) và sau khi ta diệt độ thì đó là các đệ tử Thanh văn ở vị lai. (Kể đến gặp các đệ tử ở vị lai. Diệu Huyền nói rằng mười sáu vị Vương tử hoàng kinh để kết duyên đều là ở trong khoảng giữa mà tạo nhân Phi Bản. Từ đây trở về trước những kẻ hành đạo thì gọi là Bản, tức là diệu nhân của Bản vậy).

Trước đây ta đã tám ngàn lần đến ở thế giới Ta-bà này mà ngồi tòa Kim cang Hoa quang vương (Phạm Võng Kinh).

(Từ trên là Đại cơ nói rõ về văn Bản Tích).

Thụy Ứng nói: Phật bảo rằng: Ta nhớ đời trước của ta cách nay vô số kiếp vốn là một kẻ phàm phu từ xa xưa vì cầu Phật đạo đến nay đã chịu khổ trong năm đường sinh tử vô lượng, nếu kẻ thân cũ của ta thì không thể nào đếm hết được.

Kinh Bồ-tát Bản Hạnh nói: Ta đã ở chỗ vô lượng, vô biên các Đức Phật mà gieo trồng các thiện căn, làm Chuyển luân Thánh vương, gặp vô lượng Đức Phật. Đầu tiên gặp được ba mươi ức Phật cùng tên là Thích-ca (trong a-tăng-kỳ đầu tiên vị Phật này là trước nhất nên gọi là “Đầu tiên”. Trong Đại Luận kể rằng: Như Lai đời trước là một người thợ ngói tên là Đại Quang Minh. Khi đó có Đức Phật hiệu là Thích-ca Văn cùng đầy đủ các đệ tử đến nhà ông thợ ngói nghỉ tạm qua đêm. Ông thợ ngói kính dâng tòa cỏ, đèn sáng và nước mật, nhân đó phát nguyện rằng: Ở tương lai con sẽ được làm Phật và có tên như Phật đương thời).

Diệu Huyền nói rằng: Nhân của Tích có nhiều thứ. Hoặc nói: Xưa là ông thợ đồ gốm gặp Đức Phật Thích-ca thuở trước dâng ba thứ cúng dường phát nguyện được thọ ký tên chữ đều giống như Phật trước. Đó là phát tâm trong tăng-kỳ thứ nhất, không sáng suốt đoạn hoặc nên biết là che lấp cái tướng hạnh nhân của Phật. Hoặc nói xưa là người gặp Đức Phật Nhiên Đăng, kính rải năm thứ hoa, trải tóc che bìn, phóng thân lên hư không mà được Vô sinh nhẫn được Phật thọ ký cho, có hiệu là Thích-ca Văn. Bảo rằng đã đoạn hoặc cho nên biết thấu Tướng hạnh nhân của Phật Hoặc nói xưa là Phạm chí Bảo Hải, ở chỗ Đức Phật Bảo Tạng trong nước San-đê-lam mà tu hạnh đại tinh tấn, đem hoa cúng dường khắp mười phương Phật, chính là cha của Phật Bảo Tạng, lại là thầy của Phật Di-đà. Kể về công đức của ngài thì không thể nghĩ bàn, nên biết đó là từng trường hợp làm tròn đầy tướng hạnh nhân của Phật.

Kế đến gặp tám ức Đức Phật cùng tên Nhiên Đăng. Kế đến gặp ba ức Đức Phật cùng tên là Phát-sa. Kế đến gặp chín vạn Đức Phật cùng tên là Ca-diếp. Kế đến gặp sáu vạn Đức Phật cùng tên là Đăng Minh. Kế đến gặp một vạn tám ngàn Đức Phật cùng tên Ta-la Vương. Kế đến gặp một vạn bảy ngàn Đức Phật cùng tên Độ Bỉ Ngạn. Kế đến gặp một vạn năm ngàn Đức Phật cùng tên Nhật Phật. Kế đến gặp hai ngàn Đức Phật cùng tên là Kiều-trần-như. Kế đến gặp sáu ngàn Đức Phật cùng tên Long Phật. Kế gặp một ngàn Đức Phật cùng tên Tử Tràng. Kế đến gặp năm trăm Đức Phật cùng tên Liên Hoa Thượng. Kế đến gặp sáu mươi bốn Đức Phật cùng tên Loa Kế đến (Luận Câu-xá gọi là Kế-

na Thi-khí, Hán dịch là Bảo Kế đến tức là kinh Loa Kế đến này vậy. Phiên Dịch Danh Nghĩa nói rằng: Phật ta gặp Phật này vào cuối tăng-kỳ đầu, cùng với đức phật thứ hai trong bảy Đức Phật là Thi-khí, cách hai tăng-kỳ). Kế đến gặp một Đức Phật tên là Chánh Hạnh (Phật này ở đầu Tăng-kỳ thứ hai). Kế đến gặp tám vạn tám ngàn Bích-chi-phật. Kế đến gặp một Đức Phật tên là Thiện Tư. Lúc đó ngài Di-lặc làm Chuyển luân Thánh vương tên là Tỳ-lô-giá-na, ở chỗ Đức Phật ấy mà phát tâm đầu tiên bốn mươi kiếp trước. Kế đến gặp một Đức Phật tên là Thị Hải Tràng. Lúc đó ta làm Chuyển luân Thánh vương tên là Lao Cung ở chỗ Đức Phật ấy mà phát tâm Bồ-đề nguyện ở vị lai sẽ thành quả Phật mà giáo hóa chúng sinh (ở chỗ Phật Không Vương, cùng với A-nan phát tâm đầu tiên. Ở chỗ Phật Thích-ca xưa lúc làm thợ ngói mà phát tâm. Nay gặp Phật Hải Tràng, lúc đó làm Thánh vương Lao Cung mà phát tâm... Đây đều là Như Lai phương tiện nói ra). Kế đến vô lượng kiếp gặp vô lượng Đức Phật như Phật Đế Thích Tràng... Kế đến gặp một Đức Phật tên là Nhiên Đăng (cuối tăng-kỳ ba thì gặp Phật này). Ta là Nho Đồng dùng hoa sen xanh đem cúng dường đức Phật ấy và ta được thọ ký rằng hơn a-tăng-kỳ kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (đây là theo nhân địa phát nguyện của người thợ ngói mà trao cho tên hiệu. Từ đây trở đi các Phật thọ ký nhau đều đồng một tên ấy. Kinh Kim Cang nói: Ta ở trước Phật Nhiên Đăng đã được gặp tám trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha Phật, ta đều cúng dường hầu hạ không hề bỏ qua. Kinh Pháp Hoa nói: Trong khoảng ta nói Đức Phật Nhiên Đăng... ấy là đều vì phương tiện mà phân biệt).

Lúc đó Đức Phật Nhiên Đăng sống được tám trăm bốn mươi vạn ức tuổi. Khi Đức Phật ấy diệt độ thì ta lên làm Bốn Thiên vương và xuống làm Chuyển luân vương (đây là ba Luân ngân luân...) cho đến lên làm Phạm vương xuống làm Thánh vương (đây là Kim luân) mỗi thứ đều ba mươi sáu lần (Đây là luận dọc là thân Bồ-tát thọ báo) và tùy theo sự biến hóa mà tùy lúc hiện ra đời. Hoặc làm hàng Nho lâm như quốc vương, đạo sĩ... không thể ghi chép, kể tính hết được (đây là luận ngang thân Bồ-tát biến hóa không phải một). Sau đó gặp lại Đức Phật Thắng Nhất Thiết, sống lâu đến tám vạn ức tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn mười ức kiếp nữa sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (Phật này ở đầu tăng-kỳ thứ ba). Kế đến gặp Đức Phật Liên Hoa Thượng sống đến tám vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn mười vạn kiếp nữa sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (từ đây trở đi những ai được làm Phật đều có tên là Thích-ca Mâu-ni).

Kế đến gặp Phật Tối Thượng Hạnh sống đến bảy vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta hơn một ngàn kiếp nữa sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Thượng Danh Xưng, sống đến bảy vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn năm trăm kiếp nữa sẽ được làm Phật. Kế đến về sau Đức gặp Phật Cổ Thích-ca, sống đến tám vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn một trăm kiếp nữa sẽ được làm Phật (xét Cổ Phật Thích-ca là ở đầu tăng-kỳ thứ nhất, đều chỉ cho ba mươi ức Phật đầu tiên đồng tên. Đây là ở sau Đức Phật Nhiên Đăng nên không dùng chữ “Cổ”, sợ e lấy Phật Thích-ca đời nay kể vào, nên phải gọi là “Cổ”).

Kế đến gặp Đức Phật Đế-sa, sống lâu đến sáu vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn chín mươi lăm kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Phát-sa, sống đến sáu vạn tuổi. Lúc đó ta nhón một chân đọc bài kệ khen Phật rằng:

*Trên trời, dưới đất không ai bằng Phật
Mười phương thế giới không ai bằng
Người trên thế gian con thấy hết
Tất cả không ai sánh bằng Phật.*

Đức Phật ấy thọ ký cho ta qua chín mươi bốn kiếp sẽ được làm Phật. Đại Luận có nói: Dùng một bài kệ khen ngợi Phật Phát-sa suốt bảy ngày bảy đêm, vượt qua chín kiếp, ở kiếp chín mươi một sau đó được thành Bồ-đề. Các kinh phần lớn đều nói vượt chín kiếp chính là Phật Tỳ-bà-thi).

Kế đến gặp Phật Kiến Chân Nghĩa, sống bốn vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta qua chín mươi ba kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Tỳ-bà-thi sống tám vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta qua chín mươi một kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Thi-khí, sống bảy vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta qua ba mươi một kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Tỳ-xá-phù, sống sáu vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta qua ba mươi kiếp sẽ được làm Phật.

Thuật rằng: Đời nói bảy Phật là căn cứ theo kinh Dục Vương có ngàn Phật ở kiếp Trang nghiêm thời quá khứ. Bắt đầu từ Phật Hoa Quang và cuối cùng là Phật Tỳ-xá-phù. Ở Hiền kiếp hiện tại thì bắt đầu là Phật Câu-lưu-tôn và cuối cùng là Phật Lô-chí. Thế nên biết ba Phật từ Phật Tỳ-bà-thi đến Phật Tỳ-xá-phù đều ở trong kiếp Trang nghiêm thời quá khứ. Còn bốn Phật từ Câu-lưu-tôn đến Phật Thích-ca thì đều ở Hiền kiếp thời hiện tại. Bảy Phật đó trước sau nối tiếp nhau chỉ cách một kiếp. Các Kinh phần nhiều nói là Phật Tỳ-bà-thi ở kiếp chín mươi một còn hai vị Phật kia ở kiếp ba mươi một, cách nhau rất

xa. Hình như không ở trong kiếp Trang nghiêm. Song cuối tăng-kỳ thứ ba thì gặp ngay Đức Tỳ-bà-thi, từ một trăm kiếp này gieo trồng tướng tốt, thì chín mươi một kiếp nói trên là hợp, bởi trừ bớt chín kiếp vượt hơn do khen Phật trước đây vậy. Như hai nghĩa trên là do phương tiện phân biệt, nhưng e người dịch ở cõi này (Trung Quốc) các bộ khác nhau không đồng, này hãy đều còn, dùng để dẫn chứng cứ (Người duyệt nói rằng: Nếu bảo bảy Phật trước sau nối nhau chỉ cách một kiếp thì đúng là Phật Tỳ-bà-thi, được thọ ký là qua sáu kiếp sẽ được làm Phật. Cho đến Phật Ca-diếp được thọ ký là qua một kiếp sẽ được làm Phật. Sao lại bảo một trăm kiếp gieo trồng tướng tốt thì chín mươi một kiếp nói trên là hợp? Ở đoạn văn sau lại nói: Bốn Phật trên ở trong Hiền kiếp là kiếp giảm thứ chín nối nhau ra đời... đều trái với câu nói chỉ cách nhau một kiếp. Xem sẽ rõ.

Kế đến gặp Đức Phật Câu-lưu-tôn sống năm vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta ở đời vị lai sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni sống bốn vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta, ở đời vị lai sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Ca-diếp sống hai vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta ở đời vị lai ông sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (bốn Phật trên ở trong Hiền kiếp, hai mươi kiếp Trụ vào kiếp giảm thứ chín nối nhau ra đời. Văn này chỉ chung cho đời vị lai). Như thế ta đã phụng sự chư Phật, tu học ý Phật. Khi đó ta sinh lên cung trời Đâu-suất, trụ vào bậc Nhất sinh bổ xứ (ở trên đều rút từ kinh Bản Hạnh. Kinh Niết-bàn nói cõi trời này hơn hết của Dục giới. Các bổ xứ Bồ-tát đều thị hiện sinh ở đây để giáo hóa chúng sinh). Ta nay ra đời mạng người chỉ sống có một trăm tuổi, quá tuổi này thì ít, dưới tuổi này thì nhiều (theo kinh Trung A-hàm). Đáng lý Phật Thích-ca ra đời lúc mạng sống của người là một vạn tuổi nhưng vì quán sát chúng sinh không có căn cơ để hóa độ nên khi còn một trăm tuổi thấy khổ bức bách mà kiếp sắp hết nên mới ra đời (theo Đại Luận, từ trên đều là căn cơ Tiểu thừa nói văn Bản Tích).

Xét theo kinh Nhân Quả thấy rằng: Ở quá khứ cách vô số-tăng-kỳ kiếp có vị Tiên nhân tên Thiện Tuệ (cả hai kinh Thụy Ứng và Bản Hạnh đều gọi là Nho Động). Lúc đó thái tử con vua Đấng Chiếu tên Phổ Quang (kinh Thụy Ứng gọi là Định Quang, các kinh Pháp Hoa Kim Cang, Bản Hạnh đều gọi là Nhiên Đăng) xin vua cha cho xuất gia và thành đạo Bồ-đề. Thiện Tuệ lúc đầu giảng luận Đạo Nghĩa cho năm trăm vị ngoại đạo, mọi người dâng lên tiền bạc. Sau đó ngài từ già nhóm ngoại đạo rồi đến chỗ Phật Phổ Quang, định thiết lễ cúng dường

thì gặp một người hầu của Vương gia cầm bảy cành hoa sen xanh đi ngang qua. Ngài theo hỏi hoa này có bán chăng? Người hầu đáp: Sắp đem vào nội cung để dâng lên Đức Phật. Ngài Thiện Tuệ lấy năm trăm đồng tiền bạc nài lại năm cành hoa để cúng dường Phật. Người hầu đồng ý lại gởi hai cành hoa để cúng Phật cầu từ nay trở đi luôn được làm vợ ông. Lúc đó vua và các quan lễ Phật tung hoa nhưng tất cả hoa đều rơi xuống đất, chỉ có năm cành hoa của ngài Thiện Tuệ vẫn ở trên không trung và hóa thành đài hoa. Sau đó tung hai cành hoa thì trụ ở hai bên Đức Phật. Phật khen ngài Thiện Tuệ rằng: Qua a-tăng-kỳ kiếp ông sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (Kinh này và kinh Bản Hạnh đều nói là a-tăng-kỳ kiếp, còn kinh Thụy Ứng lại nói là chín mươi một kiếp, dài ngắn như thế không đồng tuy là phương tiện phân biệt. Song các kinh đều nói ngài Tỳ-bà-thi thọ ký chín mươi một kiếp là đúng. Vậy điều nói của kinh Thụy Ứng có thể tin). Ngài Thiện Tuệ thấy đất dơ ướm, lòng tự nghĩ rằng làm sao lại để bàn chân có giấu Thiên luân đạp lên đây mà qua được, liền cởi áo da nai trải trên đất nhưng không che hết mình, ngài liền xỏa tóc trải lên. Đức Như Lai đạp lên bước qua xong, nhân đó thọ ký rằng: Sau này ông làm Phật sẽ ở cõi ác thế ngũ trược mà độ hàng trời người. Lúc đó ngài Thiện Tuệ đọc kệ khen Đức Phật (Văn dài nên không có ghi), xin Phật được xuất gia. Đức Phật bảo: “Thiện lai, Tỳ-kheo!” thế là râu tóc tự rụng, mình mặc áo ca-sa liền thành Sa-môn. Ngài Thiện Tuệ sau khi mệnh chung liền sinh lên làm Bốn Thiên vương sinh xuống làm Chuyển luân vương. Cho đến sinh lên làm Phạm Thiên vương thứ bảy và sinh xuống làm Thánh vương mỗi thứ đều ba mươi sáu lần. Hoặc làm Tiên nhân, hoặc làm ngoại đạo, sáu sư, Bà-la-môn, Tiểu vương. Nơi nào cũng sống hết tuổi thọ, nhiều không thể kể xiết. Thiện Tuệ lúc đó chính là ta đây, còn người hầu kia là Gia-du-đà-la vậy. (Theo kinh Nhân Quả, kinh Thụy Ứng thì bảo là cô gái bán hoa tên Cù-di, gọi bằng tiếng đệ nhất phu nhân. Như Bản Kinh và kinh Pháp Hoa đều gọi là Gia-du là mẹ đẻ của La-hầu. Nay lấy nghĩa sau làm chính).

Bốn Giáo Nghi dẫn Đại Luận rằng: Khi Như Lai tu đạo Bồ-tát từ Đức Cổ Thích-ca cho đến Phật Thi-khí thì gặp được bảy vạn năm ngàn Đức Phật đó gọi là a-tăng-kỳ đầu. Ngài thường tu Sáu độ. Kế đến Phật Thi-khí đến Phật Nhiên Đăng thì gặp được bảy vạn sáu ngàn Phật gọi là a-tăng-kỳ thứ hai. Lúc đó ngài cúng dường bảy cành hoa sen, trải tóc che sinh và được thọ ký hiệu Thích-ca Văn. Kế đến từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-thi thì gặp được bảy vạn bảy ngàn Phật gọi là

cuối a-tăng-kỳ thứ ba. Trải qua thời gian như đã kể, ngài tu hạnh Sáu độ, lại trụ một trăm kiếp gieo trồng nhân tướng tốt, tu trăm phước thành một tướng (xét kinh Ưu-bà-tắc Giới thì ta ở chỗ Phật Thích-ca đầu tiên mà phát tâm, ở thời Phật Ca-diếp trọn ba a-tăng-kỳ. Thiết nghĩ khi cuối a-tăng-kỳ thứ ba thì chính là ở thời Phật Tỳ-bà-thi. Nay nói Ca-diếp thì gồm cả một trăm kiếp gieo trồng tướng tốt mà nói vậy).

Lời thuật rằng: Trộm xét nghĩa Bản - Tích của Như Lai là do lấy việc đã qua và hiện nay mà so sánh, có xen lẫn cái Bản xa hay gần mà không thể dùng cái thấy của Cơ Đại hay Tiểu thừa để phân biệt. Nay cùng các Bộ bàn nói phần thô, còn Pháp Hoa triển khai phần Diệu. So sánh mà luận bàn thì cái thấy của Cơ Đại Tiểu Thừa không chấp nhận không xét đoán được. Như chỉ có tám Tướng nhưng do cái thấy của cơ Đại Tiểu thừa mà có khác nhau.

Trình bày Thánh nguyên:

Lời tựa rằng: Nguồn gốc trước tiên của Như Lai bắt đầu từ bậc Đại nhân, ngài làm Chuyển luân ở cung vua, thứ lớp nối nhau. Xem xét các điển tích trình bày tóm tắt về nguồn gốc Thị tộc. Nhân đó nói rõ việc thực hiện ra đời của Đức Thế Tôn ta vốn sinh vào gia thế tôn quý nhiều đời làm Thánh vương.

Vào đầu Đại kiếp, khi thế giới mới thành thì các trời Quang âm hóa làm người... Họ họp nhau bàn thảo lập lên một người có oai đức để thưởng thiện phạt ác gọi là Bình Đẳng Vương mọi người đều phải cung phụng cấp dưỡng, do đó mà có tên là Dân chủ (theo kinh Trường A-hàm, cũng thấy trong Tam Thế Xuất Hưng Chí). Vua dân chủ đầu tiên hiệu là Đại Nhân. Vị vua thứ hai tên là Trân Bảo, vị vua thứ ba tên là Hảo Vị, vị vua thứ tư tên là Tĩnh tề Vua thứ năm tên là Đảnh Sinh, cho đến vua thứ ba mươi ba tên là Thiện Tư (theo Trường A-hàm, Bốn Phần Luật. Vị vua ba mươi ba này đều là con cháu nối nhau. Tên các vua thấy ghi đủ trong Bản Kinh).

Từ sau vua Thiện Tư thì có mười tộc Chuyển luân Thánh vương nối nhau ra đời.

Người thứ nhất là Chân Xà Vương tử Bà-diên-ca (Chân Xà tức là vua A-hàm Thiện Tư). Tộc này có năm Chuyển luân vương.

Tộc thứ hai là Đa-la Nghiệp có năm Chuyển luân vương.

Tộc thứ ba là A-ba-diệp, có bảy Chuyển luân vương.

Tộc thứ tư là Kiện-đà-lợi có tám Chuyển luân vương.

Tộc thứ năm là Ca-lăng-ca có chín Chuyển luân vương.

Tộc thứ sáu là Chiêm-ba có mười bốn Chuyển luân vương.

Tộc thứ bảy là Câu-la-bà có ba mươi một Chuyển luân vương.

Tộc thứ tám là Bát-xà-la, có ba mươi hai Chuyển luân vương.

Tộc thứ chín là Di-thi-lợi, có tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương (xét theo kinh Bản Hạnh vị vua sau cùng tức là Đại Mâu Thảo Vương Tiên vậy).

Tộc thứ mười là Ý-ma-di, có một trăm Chuyển luân vương (theo Lôu Thán Kinh, Di-sa-tắc gọi là Uất-ma; Trường A-hàm gọi là Ý-ma; Bốn Phần Luật gọi là Ý-sư-ma, tức là Cam Giá vương là tổ tiên của Thiện Sinh vương. Lương Hựu Luật sư, Thích-ca Phã nói: Dòng họ Thích coi Ý-ma là tổ tiên).

Tên Thích-ca:

Lời tựa rằng: Người đời đều biết Đức Như Lai thuộc Thánh chủng Sát-đế-lợi, nhưng rốt cục vẫn không hiểu rõ ý nghĩa việc đặt tên hai chữ Cù-đàm và Thích-ca. Nên cần biết tiếng Cù-đàm có bốn nghĩa hoặc gọi Thuần Thực hay Tối Thắng. Đây là theo đức mà gọi tên, hoặc gọi Cam Giá hay Nhật Chủng. Đây là theo duyên mà gọi tên. Còn tiếng Thích-ca thì có ba ý. Nếu do đức mà đặt tên thì gọi là Năng Nhân. Nếu do chỗ mà đặt tên thì gọi là Xá-di hay Trục Lâm. Nhưng khởi đầu của Thích-ca thật ra là ở bốn đứa con của Cam Giá vương. Cam Giá là tiếng Phạm. Đã có chữ Cù-đàm thì tên Thích-ca cũng từ Cù-đàm mà ra. Trước là Cù-đàm sau là Thích-ca, tuy có hai tiếng nhưng thật ra là một họ. Người xưa lại dùng thêm ba tiếng Nhật Chủng, Cam Giá và Xá-di, tất cả là năm họ thì ngọn ngành lẫn lộn không biết đâu mà quyết đoán. Nay muốn luận đầy đủ để kẻ hậu học khỏi lầm.

Phàm “Tánh” (họ) là hệ thống để trăm đời khỏi cách biệt nhau. Về Thị là chỗ để phân biệt con cháu do đâu mà ra. Về tộc tánh, ở Ấn Độ có bốn dòng:

1. Sát-đế-lợi, tức dòng vua chúa.
2. Bà-la-môn, tức dòng tịnh hạnh.
3. Phệ-xa, tức là kẻ thương buồn (xưa đọc là Tỳ-xá).
4. Tuất-đà-la tức hàng thường dân (xưa đọc là Thủ-đà).

Bốn dòng này thì hai dòng trước sang, hai dòng sau hèn (Đây là rút từ Tây Vực ký) tùy lúc mà quý trọng. Đức Phật giáng sinh xuất thân từ dòng Thích-ca, vì thuộc đời cang cường nên phải sinh vào dòng vua để có uy quyền. Còn Ca-diếp gặp thời thuận trị nên chọn dòng Tịnh hạnh để nêu Đức hạnh (Đại Luận). Chuyện kể: Thuở xưa, cách a-tăng-kỳ kiếp

có vị Bồ-tát làm vua một nước, cha mẹ mất sớm, vua nhường ngôi cho em rồi theo Bà-la-môn Cù-đàm học đạo và nhận luôn họ Cù-đàm (Bản Kinh dịch là Thuần Thục, còn Ứng Pháp sư dịch chữ Cù-đàm tên là Tối Thắng. Đây đều là theo nghĩa của Đức Hạnh. Vì vua tu hạnh khát thực nên khi trở về nước thì không ai biết, họ gọi ngài là Tiểu Cù-đàm. Ngài lấy vườn Cam Giá ở ngoại thành làm tinh xá. Một hôm có kẻ trộm vật của quan, chạy ngang qua vườn, quan quân đuổi theo giấu trộm bắt ngài. Nhà vua ra lệnh lấy gậy đâm xuyên mình ngài đến chết. Đại Cù-đàm thấy được khóc lóc thảm thiết đem tẩm liệm ngài vào quan tài, lại vắt lấy bùn máu vo thành cục, đem về để ở tinh xá, đặt hai cục bùn máu ở hai bên. Đại Cù-đàm nói: “Nếu Đạo sĩ này chí thành xin trời thần chứng giám khiến máu hóa thành người.” Cách mười tháng sau quả nhiên cục bên trái hóa thành con trai, cục bên mặt hóa thành con gái. Nhân đó mà đặt họ của Cù-đàm là họ Thuần Thục (Theo kinh Thập Nhị Du).

Lại chuyện kể, ở quá khứ có vua Chuyển luân Thánh vương tên là Đại Tự Tại (tức là tộc Di Thi-lợi thứ chín) có con cháu nối nhau được tám vạn bốn ngàn đời vua. Vị vua sau cùng tên là Đại Mâu Thảo, đã già mà không con. Bèn giao việc triều chính cho các quan đại thần rồi cạo tóc xuất gia, mọi người gọi là Vương Tiên. Các đệ tử lúc đó đều phải khát thực, Vương Tiên đã già nên không đi được, bèn lấy lông cỏ treo khắp dưới cành cây để phòng cọp sói. Bỗng một thợ săn nhìn thấy cho là Bạch Điều nên bắn chết. Máu chảy xuống đất, sau đó mọc lên hai cây Cam Giá. Mặt trời chiếu nóng khiến cây tách ra, một cây sinh ra người nam, còn cây kia sinh người nữ. Các đệ tử bảo hộ nuôi lớn hai trẻ, rồi đem chuyện báo lên các quan. Mọi người đều bảo là dòng vua, khiến thầy tướng bói quẻ, đặt tên là Thiện Sinh, xưng hiệu là Cam Giá vương. Người nữ tên là Thiện Hiền được lập làm Phi thứ nhất. Lại vì mặt trời chiếu nóng cây Cam Giá mà sinh ra nên cũng gọi là Nhật Chung (Theo Bồ-tát Bản Hạnh).

Lời thuật rằng: Về Cù-đàm, một tên dịch là Cam Giá là căn cứ vào chuyện duyên hai gốc Cam Giá trong kinh Bản Hạnh; một tên dịch là Nê Thổ là lấy chuyện bùn máu của kinh Thập Nhị Du. Thế thì biết các kinh tiếng Phạm gọi Cù-đàm thì tiếng Hoa gọi là Cam Giá hay Nê Thổ. Hoa, Phạm gọi khác nhau thật ra chỉ có một nghĩa.

Bà phi thứ nhất của vua Cam Giá tên là Thiện Hiền sinh một người con tên là Trường Thọ, con bà phi thứ hai thì sinh được bốn người con trai, người thứ nhất tên là Cự Diên, người thứ hai tên là Kim Sắc, người thứ ba tên Tượng Chúng, người thứ tư tên là Biệt Thành (Theo

Bồ-tát Bản Hạnh).

Lời thuật rằng: Di-sa-tắc nói rằng: Người con thứ tư của vua Uất-ma là Ni-lâu, Bản Hạnh Kinh gọi là Ni-câu. Đây (Trung Quốc) dịch là Biệt Thành. Hựu Luật sư thì chỉ cho vua Ý-ma, là tổ tiên của họ Thích. Con thứ tư là Trang Nghiêm nối dõi vua Bạch Tịnh. Nam Sơn chỉ đó là Ý-ma, tức vị Luân vương thứ mười, cách Bồ-tát đến một trăm đời. Người con thứ tư là Trang Nghiêm tức người nối dõi là vua Bạch Tịnh. Tóm lại các thuyết ấy giống nhau. (Riêng việc nối dõi vua Trang Nghiêm thì có hai bản dịch không giống nhau, nhưng chỉ là một người là Ni-câu).

Lúc đó bà phi Thiện Hiền muốn lập Trường Thọ lên làm vua bèn tâu xin đui bốn người con kia ra khỏi nước, họ đến phía Bắc núi Tuyết sơn tự xây thành để ở. Không bao lâu nơi ấy đã sầm uất thành một cường quốc (theo kinh Bản Hạnh thì họ đến Tuyết sơn dựng nước, thành tên là Ca-tỳ-la, vua tên là Biệt Thành, xa gần đều khâm phục).

Về sau vua cha hối tiếc sai sứ đến triệu về, nhưng cả bốn con đều tạ lỗi không đi. Vua cha ba lần than rằng con ta là Thích-ca (đây dịch là Năng Nhân, theo kinh Bản Hạnh) tới núi Tuyết vào ở rừng Trúc thọ nên có tên là Thích-ca (Hán gọi là Trúc Lâm, theo kinh Trường A-hàm). Họ đến xây thành dựng nhà ở rừng Xá-di gần phía Bắc núi Tuyết, nhân đó gọi là nước Xá-di (theo Ngũ Phần Luật).

Lời thuật rằng: Xá-di là tên rừng, cũng lấy làm tên nước, lại lấy làm tên Thị Tộc. Trộm nghĩ Xá-di e dịch là Trúc; tức Trúc Lâm ở núi Tuyết đã nói trước. Diệu Huyền bảo Xá-di là một tộc tánh sang trọng ở Tây Vực. Đây chỉ căn cứ theo nghĩa, chưa thấy trích ra từ kinh nào.

Con của vua Biệt Thành là Câu-lô. Con của Câu-lô là Cù-câu-lô (theo Bồ-tát Bản Hạnh). Con thứ tư của vua ý-ma là Trang Nghiêm (tức Biệt Thành) Ý-ma có một trăm Luân vương, vị vua cuối cùng tên là Đại Thiện Sinh (xét theo Bốn Phần Luật thì Ý-sư-ma lần lược có trăm vua. Sau đó có vua tên là Đại Thiện Sinh. Nam Sơn Thích-ca Phả nói rằng: Đại Thiện Sinh tức là Tổ bảy đời của Như Lai).

Từ sau một trăm Luân vương thì tổ sáu đời là vua Ô-bà-la, tổ năm đời là vua Lệ-bà-la, tổ bốn đời là vua Ni-câu-la, tổ ba đời là vua Ni-phù-la, tổ hai đời (ông nội) là vua Sư Tử Giáp. Cha là vua Tịnh Phạn vương. Vua Sư Tử Giáp có bốn con:

1. Tịnh Phạn vương (các kinh hoặc gọi là Bạch Tịnh) có hai con, người anh là Thái tử Tất-đạt, em là Nan-đà.

2. Bạch Phạn vương, có hai con, anh là Điều-đạt (các kinh gọi là Đề-bà-đạt-đa, em là A-nan-đà).

3. Hộ Phạn vương có hai con, anh là Ma-ha-nam (hoặc là Thái tử Câu-lợi, là một trong năm Tỳ-kheo), em là A-na-luật (hoặc gọi là A-nâu-lâu-đà).

4. Cam Lộ Phạn vương, có hai con, anh là Bà-sa, em là Bạt-đề (là một trong năm Tỳ-kheo - Theo Trường A-hàm).

Từ sơ kiếp trở lại đây các con nối nhau làm Chuyển luân vương. Hai vua đời gần đây chỉ làm vua cõi Diêm-phù-đề (theo kinh Đại Phương Tiện. Nên biết hai vua Sư Tử Giáp và Tịnh Phạn riêng làm vua ở Nam Châu, chỉ là hàng Thiết luân vương).

Bát-xa-la-vương (tộc thứ tám này có ba mươi hai chuyển luân vương).

Bản đồ về thế hệ Chánh Thống của các Pháp vương:

Bình Đẳng Vương (Dân Chủ Bình Đẳng Vương, cũng gọi là Sát-đế-lợi, con cháu đích tôn nối nhau đến đời thứ ba mươi ba là vua Thiện Tư).

Thiện Tư Vương (Từ Bình Đẳng Vương đến đây là ba mươi ba đời. Sau đó có mười tộc).

Ba-diên-ca Vương (con vua Thiện Tư là Tộc thứ nhất có năm Chuyển luân vương).

Đa-la Nghiệp Vương (Tộc thứ hai này cũng có năm Chuyển luân vương).

A-ba-diệp Vương (Tộc thứ ba này có bảy Chuyển luân vương).

Kiên-đà-lợi Vương (Tộc thứ tư này có tám Chuyển luân vương).

Lăng-ca Vương (Tộc thứ năm này có chín Chuyển luân vương).

Chiêm-bà Vương (Tộc thứ sáu này có bốn Chuyển luân vương).

Câu-la-bà Vương (Tộc thứ bảy này có ba mươi một Chuyển luân vương).

Di-thi-lợi Vương (Tộc thứ chín này có tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương, một vua sau cùng tên là Đại Mâu Thả Vương cũng gọi là Vương Tiên, con là Ý-ma-di Vương).

Ý-ma-di Vương (Tộc thứ mười này có một trăm Chuyển luân vương. Ý-ma-di Vương cũng gọi là Cam Giá Vương. Dòng họ Thích nhận vua này là Thủy Tổ. Vua này có hai bà Phi. Bà Phi thứ nhất sinh ra con lớn tên là Trường Thọ Vương, bà Phi thứ hai sinh bốn con, người thứ nhất tên Cự Diện Vương, người thứ hai tên Kim Sắc Vương, người thứ ba tên Tướng Chúng Vương, người thứ tư tên Biệt Thành Vương. Các vị trên đều là đời thứ hai).

Câu-lô Vương (đời thứ ba).

Cù-câu-lô Vương (đời thứ tư, dần dà truyền đến đời vua sau cùng thứ nhất trăm là Thiện Sinh Vương).

Thiện Sinh Vương (tổ bảy đời của Thái tử Tất-đạt).

Ô-bà-la Vương (tổ sáu đời của Thái tử Tất-đạt).

Lệ-bà-la Vương (tổ năm đời của Thái tử Tất-đạt).

Ni-câu-la Vương (tổ bốn đời của Thái tử Tất-đạt).

Ni-phù-la Vương (tổ ba đời của Thái tử Tất-đạt).

Sư Tử Giáp Vương (tổ hai đời (ông nội), có bốn con).

Tịnh Phạn Vương (có hai con: Một là Thái tử Tất-đạt; hai là Nan-đà).

Bạch Phạn Vương (có hai con là Điều-đạt và A-nan).

Hộc Phạn Vương (có hai con là Ma-ha-nam và A-na-luật).

Cam Lộ Phạm Vương (có hai con là Bà-sa và Bạt-đề).

Trên đây là bốn vua sinh tám con.

Lời thuật rằng: Kinh Lâu Thán gọi Ý-ma có một trăm Luân vương.

Kinh A-hàm và BốnPhần Luật đều nói vua sau cùng tên là Đại Thiện Sinh. Nói sau cùng tức là thứ một trăm vậy. Nam Sơn chỉ Đại Thiện Sinh là Tổ bảy đời của Phật đây là căn cứ theo Trường A-hàm. Từ Ô-bà-la Vương... sáu vua thì đến Thái tử là đời một trăm lẻ bảy. Nhưng lại nói: Cách Bồ-tát một trăm đời, vậy phải bỏ đi số bảy. Từ vua Dân Chủ đến vua Thiện Tư là ba mươi ba đời, con cháu nối nhau. Từ vua Ba-diên-ca mười Tộc trở xuống hoặc do các dòng thứ xen vào, hoặc do anh em thay nhau cai trị, phân làm mười dòng tất phải có nghĩa thân sơ sau trước. Song nhận mệnh trời làm vua thống lãnh bốn châu thì nguyên do được đạo vua đều giống. Kể chung về mười Tộc thì gồm có tám vạn bốn ngàn hai trăm mười một đời vua. Nếu kể cả ba mươi ba đời vua Dân Chủ trước, sáu đời Tổ Phụ và bản thân Thái tử nữa thì có tất cả là tám vạn bốn ngàn hai trăm năm mươi đời vua.